

Phần 1: Nối từ với nghĩa tiếng Việt

 Nối mỗi từ tiếng Anh ở cột A với nghĩa tiếng Việt tương ứng ở cột B.

A Từ tiếng Anh

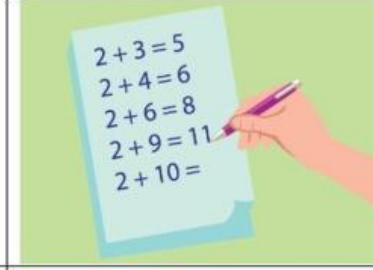
1. Geography
2. History
3. Ethics
4. Science
5. I.T
6. Vietnamese

B Nghĩa tiếng Việt

- a. Công nghệ thông tin
- b. Địa lý
- c. Tiếng Việt
- d. Đạo đức
- e. Lịch sử
- f. Khoa học

Phần 2: Nối từ với hình ảnh minh họa

 Nối mỗi hoạt động học tập với hình ảnh mô tả phù hợp.

		
A	B	C
		
D	E	F

Solving problems:	Doing experiments:
Making things:	Using computers:
Reading stories:	Learning languages:

Phần 3: Điền từ vào chỗ trống

 Điền từ vựng tiếng Anh phù hợp vào chỗ trống.

1. I love _____ because I enjoy learning about the Earth and maps.
2. _____ helps me understand the past and important events.
3. In _____ class, we learn about right and wrong.
4. We do experiments in _____ class to learn about nature.
5. _____ is my favorite subject because I like working with computers.
6. I enjoy _____ because I can read and write in my native language.